

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 523/2022/DSPT

Ngày 10-8-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh
chấp tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng
đất bị thu hồi, yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

Ông Lê Văn An

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Phạm Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
138/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng
đất, tranh chấp tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-PT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của
Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1490/2022/QĐPT-DS
ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1966. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 1C 26/9 ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông NUQ1, sinh năm 1966.
(có mặt)

Địa chỉ: P.302, lầu 3, số 248/250 đường Đ, phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thái C, sinh năm 1964. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 17/46 khu phố B2, L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NLQ1, sinh năm 1965. *(có mặt)*

2. Ông NLQ2, sinh năm 1988. *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: 17/46 khu phố B2, L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Bà NLQ3, sinh năm 1967. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 135 Quốc lộ XY, Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: số 61 đường H, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

5. Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: số 76 đường H1, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

6. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: số 216/3 Quốc lộ YY, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Về nguồn gốc đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.119m², tọa lạc tại khu phố B2, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái C ngày 03/9/1999, đất là của cha mẹ để lại (ông N và ông C là anh em ruột), cha mẹ ông N được tập đoàn giao cho sử dụng từ những năm 1980 - 1981. Phần đất này do cụ Võ Thị M (mẹ) và ông Nguyễn Thái C canh tác sử dụng cho đến năm 1983 thì mẹ chết, còn cha ông N là ông Nguyễn K thì đi làm ăn xa nên không quản lý và sử dụng phần đất này. Năm 1998, các anh em trong gia đình ông N có tự thỏa thuận chia đất cho nhau, ông N được chia phần đất có diện tích là 700m².

Năm 1984 ông N đi bộ đội, nên đã giao lại phần đất nêu trên cho ông C canh tác. Trước khi giao giữa ông N và ông C có làm một giấy ủy quyền ngày 01/6/1989 (giấy tay), giấy ủy quyền này do ông C tự viết và ký tên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 4. Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân ông N không có chỗ ở, nên ông N muốn ông C trả lại đất cho ông N, nhưng ông C không đồng ý. Ông N xác định phần đất tranh chấp có diện tích 700m², thuộc thửa đất 132, là loại đất ONT, tọa lạc tại khu phố B2, L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Năm 2003, Nhà nước thu hồi để làm đường tuyến tránh Quốc lộ nên thửa đất số 132 đã tách thành hai thửa gồm: thửa số 132, diện tích 430,5m² và thửa số 2207 diện tích 131m². Đến năm 2019, Nhà nước tiếp tục thu hồi diện tích đất 48m² để mở rộng đường tuyến tránh Quốc lộ 1 nên thửa đất số 132 chỉ còn lại diện tích 382,5m², như vậy tổng diện tích hai thửa đất còn lại là 513,5m². Hiện tại diện tích đất đo thực tế của hai thửa là 469m².

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu ông Nguyễn Thái C trả lại cho ông N diện tích đất đo thực tế tại thửa số 132, diện tích là 277m² và thửa đất số 2207, diện tích là 192m². Tổng diện tích là 469m² và xác định diện tích đất Nhà nước đã thu hồi là 48m² thuộc thửa đất số 132 là của ông N, hiện nay Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T đang tạm giữ số tiền thu hồi một phần đất thuộc thửa số 132, diện tích 48m² là 153.736.000 đồng, ông N yêu cầu được nhận số tiền này.

Ngoài ra trên thửa đất số 132 hiện tại có căn nhà do vợ chồng ông C xây dựng vào năm 1990, thời điểm này ông N có biết ông C xây nhà nhưng ông không có ý kiến khiếu nại, tranh chấp gì, mà đồng ý để cho ông C xây dựng nên lỗi này là do ông N, ông N tự nguyện đồng ý hỗ trợ giá trị căn nhà và chi phí di dời căn nhà cho ông C là 300.000.000 đồng. Đề nghị Tòa buộc ông C, bà NLQ1, anh Thanh phải di dời khỏi căn nhà, giao quyền sử dụng đất tranh chấp và nhà trên đất cho ông N.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 01493 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Thái C ngày 03/9/1999 tại hai thửa đất số 132 và 2207, diện tích hai thửa 469m², đất tọa lạc tại khu phố B2, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh N xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi ông Nguyễn Thái C số tiền 9.695.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thái C trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp ông thống nhất như lời trình bày của ông N. Đối với giấy ủy quyền ngày 01/6/1998 do ông N cung cấp, ông C xác định do ông

C tự viết và ký tên nhưng giấy ủy quyền này là giao đất cho ông N quản lý, sử dụng chứ không cho đất. Phần đất mà ông N ủy quyền cho ông C sử dụng không phải là phần đất tranh chấp này, mà là phần đất khác và hiện tại đất của ông N không còn nữa vì ông N thiếu nợ, trốn nợ bỏ địa phương đi nên ông C đã bán phần đất ông N ủy quyền với giá là 5.000.000 đồng để trả nợ cho ông N (ông C có cung cấp giấy báo nợ của ông N), khi trả nợ có mặt ông N chứng kiến. Sau khi bán đất và trả nợ xong, ông N lại tranh chấp đất với ông C và đã được Ủy ban nhân dân Phường 4 mời lên hòa giải, ông N cũng thừa nhận là đất đã bán trả nợ. Việc này đã xảy ra gần 20 năm, phần đất của ông N đã bán và ông C cũng đã chia đất giao cho các anh em trong gia đình xong, không ai có ý kiến khiếu nại gì. Hiện tại, phần đất mà ông N tranh chấp, ông C đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1990, hiện tại hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn, ngoài diện tích đất tranh chấp và căn nhà này ông không còn đất, nhà nào khác và hiện tại ông còn đang nợ bà NLQ3 số tiền 426.839.000 đồng, nhưng không có khả năng trả nợ nên ông C đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà NLQ3, do đó ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà NLQ1 và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2 trình bày: Bà là vợ của ông C, bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông C.

2. Bà NLQ3 trình bày: Hiện tại vợ chồng ông C còn nợ bà số tiền 426.839.500 đồng. Bà đã nộp đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên. Vợ chồng ông C cũng đồng ý giao Chi cục thi hành án thành phố T tiến hành xử lý tài sản của ông C để trả nợ cho bà, nhưng do ông N tranh chấp quyền sử dụng đất với ông C nên chưa thi hành án được. Bà Thanh đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông C đối với quyền sử dụng đất đang tranh chấp. Bà có ý kiến không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N vì ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, còn bà không tranh chấp gì trong vụ án này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An có văn bản trình bày ý kiến: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 132 không còn lưu trữ do đó không thể cung cấp cho Tòa án. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

4. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T có văn bản trình bày: Hiện tại vợ chồng ông Nguyễn Thái C còn nợ bà NLQ3 số tiền 426.839.500 đồng, bà NLQ3 đã có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu kê biên hai thửa đất số 132 và 2207. Chi cục thi hành án thành phố T đã ra Quyết định thi hành án số 1001/QĐ-CCTHA ngày 10/7/2012. Về ý kiến giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An

xét xử đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

5. *Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T trình bày:* Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng thành phố T hiện tại đang tạm giữ số tiền thu hồi đất là 153.736.000 đồng và sẽ chi trả theo quyết định hoặc bản án có hiệu lực của Tòa án. Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng thành phố T xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Những người làm chứng:

1. *Ông NLC1 trình bày:* Năm 2002, ông có mua một phần đất của ông Nguyễn Thái C và ông Nguyễn Minh N, ông C là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi mua có lập giấy “Giao kèo mua bán đất ngày 19/3/2002”. Khi mua không có tiến hành đo thực tế, khi giao tiền thì có mặt ông C và ông N. Ông NLC1 có nghe ông C nói bán phần đất này là của ông C cho ông N nên khi bán đã bàn bạc với các anh em trong gia đình và cam kết không ai tranh chấp. Hiện tại, ông NLC1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Còn phần đất của ông N đang tranh chấp với ông C không liên quan gì đến đất ông đã nhận chuyển nhượng. Do đó, ông đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

2. *Ông NLC2 trình bày:* Thời gian ông làm Tổ trưởng tổ hợp tác Thống Nhất thì ông Nguyễn Minh N là hội viên có vay tiền của Kho bạc Nhà nước từ ngày 20/10/1998 đến 20/10/2000 với tổng số tiền gốc và lãi là 4.537.600 đồng, do ông N không trả được nợ nên Tổ hợp tác đã vay tiền của các nhân viên trả nợ cho ông N. Tổ hợp tác có chốt lại số nợ và gửi giấy báo nợ về cho ông N vào ngày 10/9/2001. Đối với số tiền này thì ông C và ông N đã trả xong, thời điểm trả nợ ông NLC2 có hỏi ông N tiền đâu mà có trả nợ thì ông N xác định là tiền bán đất.

3. *Ông NLC3 trình bày:* Đối với quyền sử dụng đất tranh chấp giữa ông C và ông N, theo ông được biết là 700m² mà ông C ủy quyền cho ông N hiện tại không còn, do ông N thiếu nợ Nhà nước không có khả năng trả, trốn khỏi địa phương và sau đó ông N yêu cầu ông C trả nợ giùm, nên ông C đã bán phần đất 700m², sau đó ông N về cùng ông C đi trả nợ cho Nhà nước. Ông NLC3 và các anh em khác trong gia đình đã được ông C cho đất và cũng đã nhờ ông C bán đất nên không ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Ông xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án này, xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

4. Ông NLC4 và ông NLC5 trình bày: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông C và ông N bản thân hai ông cũng không nắm rõ, chỉ biết là thửa đất của ông C là thửa đất số 132, ông C đã cho các anh em gồm ông NLC3, ông NLC4, ông NLC5 mỗi người 600m² và đã bán hết. Các ông không có ý kiến hay tranh chấp gì vụ án này, đề nghị Tòa án không đưa các ông vào tham gia tố tụng trong vụ án, chúng tôi xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

5. Bà NLC6 và bà NLC7 trình bày: Việc tranh chấp giữa ông C và ông N, hai bà là em ruột nhưng đã có gia đình riêng nên không biết gì về việc tranh chấp của ông N và ông C, nên hai bà không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án không đưa các bà vào tham gia tố tụng trong vụ án này và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

6. Bà NLC8 trình bày: Việc tranh chấp đất giữa ông C và ông N, bà là chị ruột của ông C và ông N, nhưng bà đã có chồng nên không biết gì về việc đất đai của gia đình, bà không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án này và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

7. Ông Nguyễn K trình bày: Ông là cha ruột của ông N và ông C. Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của vợ chồng được Nhà nước cấp vào khoảng năm 1980-1981. Vợ chồng ông sử dụng phần đất này đến năm 1983 thì vợ ông chết, sau đó ông đi làm ăn xa ít khi về nhà. Năm 1984 thì ông N đi nghĩa vụ nên phần đất giao lại cho ông C trực tiếp canh tác. Đến năm 1987, ông N ra quân thì ông N tiếp tục canh tác đến năm 1991. Sau đó ông N, ông C và các người con khác còn lại của ông thỏa thuận bằng miệng phân chia 3.500m² cho từng người. Ông cho rằng phần đất này các con của ông đã thỏa thuận phân chia cho từng người, thì phải thực hiện theo sự thỏa thuận đó. Đây là tranh chấp nội bộ của các con ông và ông đã lớn tuổi, sức khỏe không đảm bảo, đề nghị Tòa không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án này và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 17, Điều 95, Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 166, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thái C trả lại số tiền ông C đã nhận tiền bồi thường quyền sử dụng đất là 9.695.000 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N yêu cầu ông Nguyễn Thái C cụ thể:

2.1. Trả lại cho ông Nguyễn Minh N phần đất thuộc hai thửa số 132, diện tích là 277m² và thửa đất số 2207, diện tích là 192m² với tổng diện tích là 469m² và xác định diện tích đất mà Nhà nước thu hồi là 48m² thuộc thửa đất số 132 là của ông hiện nay Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T đang tạm giữ số tiền thu hồi diện tích đất thuộc thửa số 132 diện tích 48m² là 153.736.000 đồng, ông yêu cầu được nhận số tiền này.

2.2. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 01493 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Thái C ngày 03/9/1999 đối với phần diện tích đất tại hai thửa 132 và 2207, tổng diện tích đo thực tế là 469m², đất tọa lạc tại khu phố B2, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, ủy thác và án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/3/2022, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Minh N, ông N sẽ hỗ trợ cho ông C và gia đình 500.000.000 đồng để trang trải nợ và làm chi phí di dời nhà vì theo giấy ủy quyền ngày 01/6/1998 – một chứng cứ quan trọng có nội dung: ông C chia cho ông N 02 phần đất, một phần đất là đất thổ cư 250m², một phần đất nông nghiệp 700m². Do ông N thiếu nợ Kho bạc nhà nước nên có đồng ý để ông C bán phần đất thổ cư để trả nợ vào năm 2002, không có chứng cứ nào chứng minh ông N nhờ ông C bán phần đất nông nghiệp 700m². Sau khi Nhà nước thu hồi đất để làm đường thì diện tích đất do ông C đứng tên chỉ còn lại 469m² của cả hai thửa, đây là đất của ông N nên yêu cầu Tòa phải tuyên buộc ông C trả đất lại cho ông N. Đối với phần tiền bồi thường đối với 46m² đất bị thu hồi là 153.736.000m² hiện nay Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T đang tạm giữ, ông N yêu

cầu được nhận số tiền này. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 01493 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 03/9/1999 cho ông Nguyễn Thái C là không đúng pháp luật nên đề nghị hủy giấy này.

Ông Nguyễn Thái C khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp như án sơ thẩm nêu là đúng, ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 1983 sau khi mẹ ruột là bà M mất, ông Nguyễn K bỏ đi làm ăn nơi khác không thường xuyên có mặt ở địa phương. Trước khi đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999, ông đã giao đất cho các em trong gia đình mỗi người 600m² đất, làm giấy ủy quyền cho ông N được sử dụng 250m² đất thổ cư và 700m² đất nông nghiệp vào năm 1998 chứ không chuyển quyền sử dụng. Do ông N đã bỏ trốn vì không trả nợ nhà nước, ông đã bán phần đất ủy quyền cho ông N để trả nợ. Diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông nên ông N không có quyền đòi lại. Nay ông còn nợ bà NLQ3 và bị yêu cầu thi hành án. Đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên. Đồng thời ông C không chấp nhận đề nghị của ông N về việc hỗ trợ cho gia đình ông 500.000.000 đồng.

Bà NLQ1, ông NLQ2 thống nhất theo trình bày của ông C.

Bà NLQ3 xác định ông C, bà NLQ1 còn nợ tiền của bà từ năm 2011, dù đã có bản án tuyên có hiệu lực nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi nợ được nên bà đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về chấp hành quy định về tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: đã tuân thủ đúng Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thấy rằng án sơ thẩm đã phân tích, đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện và đầy đủ nên đã tuyên xử phù hợp, đúng pháp luật.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới so với giai đoạn xét xử sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã được thực hiện đúng quy định về tố tụng, người tham gia tố tụng được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm đương sự và đồng ý xét xử vắng mặt các cơ quan có liên quan.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Minh N khởi kiện ông Nguyễn Thái C, yêu cầu ông C giao trả diện tích đất tọa lạc tại khu phố B2, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Qua kết quả đo đạc thẩm định gồm 277m² thuộc thửa số 132 và 192m² đất thuộc thửa 2207, trong đó có 48m² thuộc thửa 132 bị thu hồi và hiện nay Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T đang tạm giữ số tiền bồi thường 153.736.000 đồng, ông N yêu cầu được nhận số tiền này. Đồng thời, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 01493 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 03/9/1999 cho ông Nguyễn Thái C đối với phần diện tích đất còn lại sau thu hồi – tổng cộng là 469m².

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập, trình bày của những người tham gia tố tụng về quá trình sử dụng đất có cơ sở xác định: tài sản các bên tranh chấp có nguồn gốc của bà Võ Thị M và ông Nguyễn K là cha mẹ ông N, ông C được tập đoàn giao cho sử dụng. Phần đất này do bà Võ Thị M và ông Nguyễn Thái C trực tiếp canh tác, sử dụng. Đến năm 1983 thì bà M mất, cha các ông là ông Nguyễn K đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại địa phương. Theo “Giấy ủy quyền” ngày 01/6/1998 thể hiện nội dung: ông C ủy quyền cho em ruột là ông N phần đất thổ cư 250m² và phần đất sản xuất nông nghiệp 700m², anh em trong gia đình cũng thống nhất việc này, kể cả ông Nguyễn K cũng trình bày thống nhất với việc phân chia của các con. Giấy ủy quyền này do ông C tự viết, có ký tên, có xác nhận của địa phương thể hiện: “*Nguyễn Minh N chịu trách nhiệm làm hồ sơ chuyển quyền*”. Thời điểm này đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông N có quyền kê khai, đăng ký, tuy nhiên ông đã không thực hiện kê khai nên không có cơ sở để được công nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 03/9/1999, ông C kê khai đăng ký và được UBND tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 01493 đối với thửa đất số 132, thuộc tờ bản đồ số 02, diện tích 4.119m², tọa lạc tại khu phố B2, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Theo Công văn số 1083/CN-VPĐKQSDĐ ngày 28/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T thì đất được cấp đại trà, không có khiếu nại tranh chấp nên việc ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp vì đã sử dụng công khai, liên tục từ trước năm 1983 đến khi phát sinh tranh chấp.

Mặt khác, các bên đều thừa nhận việc ông N không thường xuyên ở địa phương, không trực tiếp quản lý sử dụng các phần đất tranh chấp, có thời gian bỏ địa phương đi do thiếu nợ Kho bạc Nhà nước và bị UBND xã gửi giấy đòi nợ. Năm 2001, ông N đã đồng ý nhờ ông C bán đất để có tiền trở về trả nợ cho Kho bạc Nhà nước. Nay ông cho rằng phần đất thổ cư đã bán còn đất nông nghiệp không nhờ ông C bán nên ông C phải trả lại cho ông. Tuy nhiên, phần đất nông nghiệp hiện nay ông N đòi thực tế đã được ông C sử dụng ngay tình trên 30 năm, ông N không chứng minh được phần đất nào được ông C ủy quyền và cũng không trực tiếp canh tác trên đất nông nghiệp này nên ông N không thuộc đối tượng được công nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 236 Bộ luật Dân sự, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Do vậy, án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập, phù hợp với quá trình sử dụng thực tế đối với diện tích đất tranh chấp và khoản tiền bồi thường do một phần đất bị thu hồi làm đường.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C: việc cấp giấy không có sai sót nên cũng không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Nhận thấy, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án và tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Xét án sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông N phải chịu nhưng do là người có công với cách mạng nên ông N được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 294, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 17, Điều 95, Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 166, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thái C trả lại số tiền ông C đã nhận tiền bồi thường quyền sử dụng đất là 9.695.000 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N yêu cầu ông Nguyễn Thái C cụ thể:

2.1. Trả lại cho ông Nguyễn Minh N phần đất thuộc hai thửa số 132, diện tích là 277m² và thửa đất số 2207, diện tích là 192m² với tổng diện tích là 469m²; xác định diện tích đất mà Nhà nước thu hồi là 48m² thuộc thửa đất số 132 là của ông, hiện nay Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T đang tạm giữ số tiền thu hồi phần đất thuộc thửa số 132 diện tích 48m² là 153.736.000 đồng, ông yêu cầu được nhận số tiền này.

2.2. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 01493 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Thái C ngày 03/9/1999 đối với phần diện tích đất tại hai thửa 132 và 2207, tổng diện tích đo thực tế là 469m², đất tọa lạc tại khu phố B2, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Minh N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- ĐS (9);
- Lưu VP(3), HS(2).20b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ